

Số: **315**/QĐ-CCBVM

Bình Định, ngày **18** tháng 08 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2020
của Chi cục Bảo vệ môi trường

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2752/QĐ-CTUBND ngày 16/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Bảo vệ môi trường Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-STNMT ngày 12/08/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2020 của Chi cục Bảo vệ môi trường (theo các biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổng hợp và lãnh đạo các phòng liên quan trực thuộc Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở TNMT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PTH. MT.(8)

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG


Nguyễn Việt Cường

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chương: 426

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 345/QĐ-CCBVMT ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Bảo vệ Môi trường)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	0,00	0,00	0,00
1	Lệ phí:	0,00		0,00
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí:	0,00	0,00	0,00
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp		0,00	0,00
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)		0,00	0,00
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường		0,00	0,00
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại (kể cả tiết kiệm 40% để tạo nguồn CCTL)	0,00	0,00	0,00
	Chi quản lý hành chính	0,00	0,00	0,00
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0,00	0,00	0,00
1	Lệ phí	0,00	0,00	0,00
2	Phí	0,00	0,00	0,00
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	0,00	0,00	0,00
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	0,00	0,00	0,00
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.315,00	-28,00	1.287,00
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.315,00	-28,00	1.287,00
1	Chi quản lý hành chính (341)	90,00	-7,00	83,00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00
	- Quản lý nhà nước. Trong đó:	0,00	0,00	0,00
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương		0,00	0,00
	+ Kinh phí hoạt động		0,00	0,00
	+ Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ		0,00	0,00
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	90,00	-7,00	83,00
	- Hỗ trợ chi hoạt động chuyên môn	90,00	-7,00	83,00
	- Mua sắm phần mềm quản lý tài sản		0,00	0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.225,00	-21,00	1.204,00
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.225,00	-21,00	1.204,00
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			0,00
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (278)	1.225,00	-21,00	1.204,00
	+ Nghiệp vụ bảo vệ môi trường và giám sát môi trường, đa dạng sinh học. Trong đó:	1.225,00	-21,00	1.204,00
	* Tuyên truyền hưởng ứng 02 sự kiện: Ngày môi trường thế giới 5/6; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn	91,00	-4,00	87,00
	* Phối hợp với Hội Đoàn thể triển khai mô hình bảo vệ môi trường	134,00	-11,00	123,00
	* Điều chỉnh quy định phân vùng phát thải và xả khí thải theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh	500,00	-2,00	498,00
	* Điều tra, thống kê định kỳ các HST, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Thị Nại, Đầm Trà Ô	500,00	-4,00	496,00
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
11	Sử dụng nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao	385,00	0,00	385,00
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
5.2	Dự án B			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
5.2	Dự án B			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			



Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			